

# Bài 9: Văn Thơ Yêu Nước Thời Kháng Pháp

---

*Viện Việt Học*

Người Pháp vì thị trường thương mại đã sang xâm chiếm nước ta. Chính sách thực dân được núp dưới chiêu bài vì tình nhân loại, khai quang văn hóa, gieo rắc văn minh cho dân tộc bán khai. Thực tế dưới ách đô hộ của họ, số nhà thương và học đường cộng lại ít hơn số nhà tù, và yêu nước là một trọng tội dưới thời Pháp thuộc.

Công tâm mà xét, nước ta là một nước văn hiến từ xưa. Trên bình diện văn hóa nhân bản, với tư tưởng cũng như cách thức sống thực nghiệm về tình nhà, tình nước, nghĩa đồng bào, tình nhân loại, ta có thể hãnh diện giữa đất trời rằng dân tộc Việt Nam xứng đáng là một dân tộc văn minh cao cả.

Vài thế kỷ nay các nước Tây dương phát huy văn minh vật chất, thành công một cách hõm hĩnh, đã từng đàn áp dày xéo các dân tộc kém mở mang về cơ giới để thỏa mãn dục vọng kinh tế tài chính và quyền uy bạo lực. Vì muốn tìm đường vào Trung Hoa, nhằm mục đích mở thị trường thương mại, Pháp đem quân chiếm sáu tỉnh miền Nam nước ta, rồi chiếm miền Bắc, uy hiếp kinh thành Huế, đặt nền bảo hộ khắc nghiệt ngược tình người.

## VĂN THƠ ÁI QUỐC Ở MIỀN NAM (KHI PHÁP CHIẾM LỤC TỈNH)

Miền Nam bị chiếm, sĩ phu khởi nghĩa, dân nghĩa dũng hưởng ứng rất nhiệt liệt. Văn học ái quốc miền Nam được sáng tác với hùng tâm tráng tứ. Tiêu biểu là Phan Văn Trị và Nguyễn Đình Chiểu.

Phan Văn Trị “Đôi Theo Người Trước Giữ Năm Hàng”, kêu gọi tinh thần uy vũ bất năng khuất, cho dù

*Bến Nghé quản bao công lửa cháy,  
Cồn Rồng dầu cát bụi tro bay.*

Nguyễn Đình Chiểu, thưở bình thời có cách sống của một hàn sĩ thanh cao:

*Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
Một câu danh lợi chi sòn lòng.*

Gặp cơn quốc biến, quan niệm sống “traì thì trung hiếu làm đầu” được người quốc sĩ tậ tận nguyên, mù hai mắt, dân thân nhập cuộc bằng văn thơ hàm chứa giá trị “văn dĩ tải đạo” của nho gia (văn chương để chuyên chở đạo đức đến lòng người).

Nước nhà gặp buổi nguy biến trước súng đạn tân kỳ của ngoại xâm, đạo đức của quốc dân thiết yếu gắn liền với lòng yêu nước.

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm  
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Những tác phẩm thơ và văn tế Trương Công Định, thơ điếu Phan Công Tòng, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, văn tế nghĩa sĩ Lục Tỉnh đã vang vọng trong tâm hồn dân nước.

Trước bả vinh hoa do thực dân văn hóa Pháp đem ra quyến rũ dưới những hình thức tế nhị, Nguyễn Đình Chiểu không màng. Trọn đời sống với lý tưởng cao thượng yêu nước yêu dân.

*Sự đời dù khuất hai tròng mắt  
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

## **VĂN THƠ ÁI QUỐC Ở MIỀN BẮC (KHI PHÁP CHIẾM MIỀN BẮC)**

Năm 1873 Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất. Võ Hiên Khâm Sai Nguyễn Tri Phương bị thương, bị bắt, xé vết thương tuấn quốc. Tiết Chế Quân Vụ Hoàng Kế Viêm thu dụng tướng giặc Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc, phục kích giết được Đại Úy Franci Garnier ở Ô Cầu Giấy. Nghĩa dân miền Bắc đứng lên khắp nơi. Pháp đành phải ký hòa ước năm Giáp Tuất (1871), trả lại đất đã chiếm đóng ở miền Bắc, nhưng được quyền tự do giao thông thương mại và các giáo sĩ đạo chúa Ki-Tô được quyền tự do giảng đạo.

## **PHONG TRÀO VĂN THÂN**

Sau hòa ước năm Giáp Tuất, phong trào Văn Thân nổi lên ở Nghệ An do hai tú tài Trần Tấn và Đặng Như Mai khởi xướng, tụ tập hơn ba nghìn văn thân, ra hịch Bình Tây Sát Tả. Bài hịch là một áng văn ái quốc, lời lẽ cực đơan: “...*Triều đình dẫu hòa với Tây mặc lòng, sĩ phu nước Nam vẫn không chịu. Vậy trước nhất xin giết giáo dân (đạo Gia-Tô) rồi sau đánh đuổi Tây cho hết để giữ lấy văn hóa của ta.*” (Trần Trọng Kim dịch)

Năm Nhâm Ngọ (1882), Pháp đánh Hà Nội lần thứ hai. Thành mất, Tổng Đốc Hoàng Diệu tuấn quốc. Sĩ phu miền Bắc đứng lên kháng chiến quyết liệt. Văn thơ ái quốc, chống ngoại xâm được sáng tác phong phú nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự chủ truyền thống của người dân Việt. Tập “*Hà Thành Chính Khí Ca*” của Nguyễn Văn Giai, tức Ba Giai được truyền bá khắp nơi.

*Bắn ra nghe chết cũng nhiều,  
Phó phường vang dậy tiếng reo âm âm.*

*Quan quân vững chí bình tâm,  
Phen này quét sạch cái đàn chó dê.  
Không ngờ thất ý tại ta,  
Rõ ràng thắng trạng thế mà thua cơ.  
Nội công rắp tự bao giờ,  
Thấy kho thuốc cháy ngọn cò ngả theo.  
Quan quân truy sát dập dìu,  
Cửa Tây loài quỷ đánh liều trèo lên.  
Nào ai sức mạnh gan liền,  
Nào ai gìn giữ vững vàng ba quân.  
Nào ai còn có kinh luân,  
Nào ai biết đến thánh quân trên đầu.  
Một cơn gió thảm mưa sầu,  
Nấu nung gan sắt giữ gìn lòng son.  
Chữ trung còn chút cở con,  
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây.  
Trời cao bể rộng đất dày,  
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi.  
Thương ôi! Trong buổi lâm nguy,  
Tấc riêng ai chẳng thương vì người trung.  
Rủ nhau tiên góp gạo chung,  
Rước ngài ra táng ở sau học đường.  
Đau đớn nhẽ, giận ngo nhường,  
Tả toi thành quách, tôi tàn cỏ cây.*

## **PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG**

Pháp áp đảo kinh thành Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn, viết chiếu Cần Vương, truyền đi khắp nước. Cuối bản chiếu vẫn có ghi Hàm Nghi năm thứ nhất, tháng 6 ngày mồng 2 (tức ngày 2 tháng 6 năm Kỷ Dậu 1885).

Sĩ phu và nghĩa dân toàn quốc hưởng ứng chiếu văn này, tạo thành phong trào Cần Vương. Dù Nho học chính thống chủ trương “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, nhưng nền giáo dục Nguyễn triều chịu ảnh hưởng Tống Nho sâu đậm, nước gắn liền với vua, trung quân đồng nghĩa với ái quốc. Do vậy chiếu văn Cần Vương cũng như tuyệt đại đa số thơ văn Cần Vương chưa nhắc nhở đến ý niệm dân chủ.

Dưới đây trích dẫn hai bài thơ của anh hùng Phan Đình Phùng, linh hồn của phong trào Cần Vương.

### **Đáp Hữu Nhân Thi**

*Bách niên tôn xã dư hoài nhiệt,  
Nhất phiến cô trung tặc đảm hàn.  
Ký ngữ đồng nhân tri ngã phủ,  
Sở Vương thế lực bạt hà san?*

Dịch giả (ẩn danh):

*Chí ta cứu nước đang nồng,  
Lòng ta trung dũng lạnh lùng địch quân.  
Ai về nhắn hỏi đồng nhân,  
Sở vương sức mạnh bạt sơn bao giờ?*

### **Lâm Chung Thời Tác**

*Nhung trường phụng mệnh thập canh đông,  
Võ lược y nhiên vị tâu công.  
Cùng hộ ngao thiên nan trạch nạn,  
Phỉ đồ biến địa thượng đồn phong.  
Cửu trùng xa giá quan san ngoại,  
Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung.  
Trách vọng dữ long ưu dữ đại,  
Tướng môn thâm tự quý anh hùng.*

Đào Trinh Nhất chuyển thơ Nôm:

### **Làm Trong Khi Sắp Mất**

*Nhung trường vâng mệnh đã mười đông,  
Việc vẽ lời thôi vẫn chẳng xong.  
Dân đói kêu trời vang ổ nạn.  
Quân gian dậy đất rộn đàn ong.  
Chín trùng lặn đận ngoài quan tái,  
Trăm họ phôi pha đám lửa hồng.  
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,  
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.*

Thơ văn của các liệt sĩ anh hùng Cần Vương có thể chép thành từng pho sách dày. Trong phạm vi bài này, chỉ ghi lại nét đại cương tiêu biểu.

## PHONG TRÀO DUY TÂN VÀ ĐÔNG DU

Ý thức rằng: dù tinh thần cao, ý chí mạnh, nếu khăng khăng thủ cựu thì không thể cứu được dân nước ra khỏi ách làm than nô lệ. Các nho sĩ, ưu thời mẫn thế, sau một giấc ngủ dài trong đêm tối Tống Nho đã vươn vai đứng dậy ý thức trách nhiệm và bổn phận của kẻ sĩ đối với xã hội là phải canh tân, làm cho cuộc sống nhân quần ngày một tươi sáng hạnh phúc hơn (Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện – cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân). Các tân thư được đón nhận với tinh thần khai phóng. Phong trào Duy Tân ra đời. Sĩ phu phát lên ngọn cờ dân chủ, quốc dân hưởng ứng. Trang sử quân chủ lui dần vào quá khứ. Năm Canh Tý (1900) cụ Phan Bội Châu họp các sĩ phu ở Nghệ An, phân công nhau đi liên kết hào kiệt trong nước. Năm Giáp Thìn (1904) cụ họp các sĩ phu ở sơn trang Nam Thịnh, thuộc Quảng Nam, lập Việt Nam Quang Phục Hội. Tháng tư năm Giáp Thìn (1904), tại nhà cụ Tiểu La Nguyễn Hàm, Duy Tân Hội được thành lập với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ. Cụ Phan Bội Châu được cử làm Tổng Đại Biểu hội. Hội viên sáng lập gồm các cụ Tiểu La, Phan Chu Trinh, Tăng Bạt Hổ, Trần Quý Cáp, Đặng Thái Thân, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Trần Đình Phác, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thảng, Đào Tiến, v.v...

Hội quyết định: tạm thời đình chỉ bạo động để chuẩn bị cho một công cuộc chiến đấu quy mô kỹ lưỡng hơn. Chuyên canh tân xã hội, mở mang dân trí, đề cao dân quyền, nghiên cứu kế hoạch phục quốc, xuất dương sang Nhật mở mang tân học thực nghiệm, liên lạc ngoại giao với nước ngoài. Năm 1905, cụ Tăng Bạt Hổ và cụ Đặng Tử Kính cùng cụ Phan Bội Châu xuất dương, đem theo một số thanh niên sang Nhật du học, mở đầu cho phong trào Đông Du.

Tháng 10 năm 1907, Kỳ Ngoại Hầu cùng cụ Phan Bội Châu lập ra Cống Hiến Hội để đôn đốc việc học tập của các du học sinh. Hội gồm các bộ:

- Bộ Kỷ Luật do các ông Hoàng Quang Thành, Phan Bá Ngọc (con Phan Đình Phùng), Đàm Kỳ Sinh trông coi.
- Bộ Kinh Tài do các ông Đặng Tử Kính, Đặng Bình Thành, Phạm Chân Yên phụ trách.
- Bộ Giao Tế do các ông Lâm Quang Trung, Nguyễn Thái Bạt, Phan Thế Mỹ phụ trách.
- Bộ Kiểm Tra do các ông Lương Lập Nham (tức Lương Ngọc Quyến, con cụ Lương văn Can), Trần Hữu Công, Nguyễn Diễn phụ trách (Nguyễn Diễn sau đầu thú Pháp).
- Bộ Văn Thư do các ông Hoàng Trọng Mậu, Đặng Ngô Lân, Hoàng Hưng trông coi.

Như vậy, việc tổ chức quản nhiệm du học sinh rất có quy mô.

Về thơ văn của phong trào Đông Du, các tác phẩm như: “*Lưu Cầu Huyết Lệ Thư*”, “*Hải Ngoại Huyết Thư*” do cụ Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán, cụ Từ Long Lê Đại chuyên nôm, khơi động lòng ái quốc, vang dội khắp quốc dân ta một thời.

Dưới đây, trích một đoạn trong “*Hải Ngoại Huyết Thư*” để học viên có ý niệm về tác phẩm.

*Lời Huyết Lệ gửi về trong nước,  
Kể tháng ngày chưa được bao lâu.  
Nhác trông phong cảnh năm châu,  
Gió mây bâng lảng, dạ sầu ngẩn ngơ.  
Hồn cố quốc vợ vợ vẫn vẫn,  
Khôn tìm đường dò nhấn hỏi han.  
Bâng khuâng đỉnh núi mây ngàn,  
Khói tuôn khí uất, sóng tràn trận đau.  
Trưởng nông nổi đồng bào thêm ngán,  
Nghĩ thân mình dám quản một hai.  
Tiện đây cật dạ mấy lời,  
Lại xin tỏ dãi cùng người quốc dân.  
Mong người nước dân dân tỉnh ngộ,  
Dem lời này khuyên nhủ cùng nhau.  
Nước ta mất bởi vì đâu?  
Hãy xin bày tỏ như sau mấy điều:  
Một là vua chẳng yêu vì nước,  
Hai là quan chẳng thiết chi dân,  
Ba là dân chỉ biết dân.  
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai v.v....*

“*Hải Ngoại Huyết Thư*” gồm ba phần chính:

- *Phần I:* Ở phần này cụ Phan Bội Châu nói lên chính sách xâm lược tàn độc của thực dân Pháp về chính trị cũng như về văn hóa, nhằm mục đích diệt chủng cháu con Hồng Lạc.
- *Phần II:* Tác giả kêu gọi toàn thể đồng bào ý thức phản tỉnh về thân phận mình trong cảnh ngộ nô lệ ngoại xâm.
- *Phần III:* Tác giả kêu gọi đồng bào kết giải đồng tâm nhắm vào mục đích duy nhất là cứu nước. Cũng ở phần này, tác giả trình bày, trong hoàn cảnh lịch sử đương thời, người Việt Nam chỉ có một kẻ địch duy nhất là bạo lực xâm lược. Người Việt vốn chung quốc tộc, dù có những dị đồng về ngành

nghề, về ngôi thứ, về tôn giáo, cũng đều hướng thiện cao cả như nhau và trong hoàn cảnh sống hiện tại, dưới ách nô lệ Pháp, ai cũng chung một nguyện vọng, một chí hướng đuổi ngoại xâm, đòi lại chủ quyền dân tộc, sống đời tự do. Tác giả cho biết dân ta không chiến đấu đơn độc nếu biết tạo thế đồng minh Châu Á, nhằm đối phó với thảm họa thực dân Tây dương xâm lược.

*Việt Nam Vong Quốc Sử*: viết về hoàn cảnh vong quốc của dân tộc ta trước bạo lực xâm lược của thực dân Pháp. Ở đây, tác giả trình bày chính sách ngược nhân tính, ngược nhân tình mà người thực dân đã áp dụng tại nước ta. Trước hoàn cảnh lịch sử ấy, là giòng giống “dẫn cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có” (Bình Ngô Đại Cáo) nên rất nhiều anh hùng tác giả viết về công trình hành động đã vì nước đứng lên dân thân hy sinh.

Ngoài ra, văn thơ trong phong trào Đông Du rất dồi dào kể không thể hết. Chỉ liệt kê ra đây một số bài biểu tượng của cụ Phan Bội Châu:

- Thư Gửi Phan Chu Trinh Tiên Sinh.
- Kính Quốc Dân.
- Bài Ca Kêu Gọi Phụ Nữ.
- Phở Cao Lục Tỉnh.
- Gọi Tỉnh Hồn Quốc Dân (bản Nôm).
- Đề Tỉnh Quốc Dân Hồn (bản Hán).
- Tân Việt Nam.
- Sùng Bái Giai Nhân.
- Chiêu Hồn Nước.
- Ái Quốc.
- Ái Chung.
- Ái Quàn.
- Ái Đoàn, v.v...

Tháng 8 năm 1908 Pháp ký thỏa ước nhường một số quyền thương mại cho Nhật, đổi lấy điều kiện Nhật trục xuất toàn thể người Việt Đông Du. Tháng 10 năm 1908, Nhật thực thi thỏa ước. Phong trào Đông Du tan, cụ Phan cùng các đồng chí rút sang Tàu.

## ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

(Đông Kinh: kinh đô phía Đông tức Thăng Long)

Khi cuộc Đông độ phát triển mạnh, các cộng tác viên của cụ Phan Bội Châu ở trong nước mở Đông Kinh Nghĩa Thục. Nghĩa Thục là một nhà trường hợp pháp, có giấy phép của nhà nước bảo hộ, dạy học miễn phí.

Chủ trương của trường: tạo thành một cuộc cách mạng văn hóa theo đường lối của Duy Tân Hội: xuất dương học tân học, tạo nền móng bang giao với nước ngoài. Đối nội: mở mang dân trí, quần chúng hóa tư tưởng dân chủ, giữ gìn quốc túy, cắt đứt hủ tục, bỏ học từ chương, quảng bá thực nghiệm. Trường do cụ Lương Văn Can làm hiệu trưởng, cụ Nguyễn Quyền làm giám học. Các sáng lập viên gồm các cụ: Lương văn Can, Vũ Hoàn, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Dương Bá Trạc, Phan Tuấn Phong, Đặng Kinh Luân, Phan Huy Thịnh, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Tăng Bí, Ngô Đức Kế, v.v....

Trường được điều hành bởi 4 ban:

- Ban Giáo Dục
- Ban Tài Chánh
- Ban Cổ Động
- Ban Trước Tác.

Trường có ký túc xá cho vài chục học sinh ở xa đến. Chương trình học gồm 8 cấp, có lớp học ban ngày và ban đêm. Học sinh gồm nam, phụ, lão, ấu, tổng cộng trên 1,000 người. Trường khai giảng tháng 3 năm 1907 tại phố Hàng Đào, bị đóng cửa tháng 12 năm 1907, sống được 9 tháng. Sách giáo khoa, bỏ cử nghiệp hư văn, hướng theo tân học với các môn sử ký, địa lý, cách trí, vệ sinh, toán học.

Các sách dùng để giảng huấn, mở mang kiến thức phổ thông gồm: *Quốc Dân Độc Bản*, *Nam Quốc Vĩ Nhân*, *Việt Nam Quốc Sử Lược*, *Nam Quốc Địa Dư*, *Văn Minh Tân Học Sách*, v.v. các sách đều dùng cả hai thứ chữ: chữ nho và chữ quốc ngữ mẫu tự la-tinh. Bên cạnh những sách của Nho Học chính do nhà nước bảo hộ ấn hành, nhà trường bí mật phổ biến tài liệu cách mạng do cụ Phan Bội Châu ngầm chuyển từ hải ngoại về.

## VĂN THƠ CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

Cơ quan ngôn luận của nhà trường là *Đăng Cổ Tùng Báo* và *Đại Việt Tân Báo*.

Báo là phần vận động cách mạng dưới diện hiền hòa để tránh sự dòm ngó của chính quyền. Những tác phẩm cách mạng tích cực, được truyền bá ngầm đến quốc dân, có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài. Khi trường và báo bị đóng cửa, ban Cổ



Động và Trước Tác vẫn tiếp tục hoạt động nhằm mục đích mở mang dân trí và nung nấu dân chí, để tiến tới thực thi dân ý. Những bài “*Thiết Tiên Ca*”, “*Điếu Hủ Nho*”, “*Chiêu Hồn Nước*”, “*Học Thuật Thực Dụng*”, “*Hai Chữ Nước Nhà*”, “*Anh Khóa*”, v.v., một thời đã gần như kinh nhật tụng của quốc dân ta.

Nói đến chủ trương Duy Tân, không thể sót hai người anh hùng, sáng lập viên Việt Nam Quang Phục Hội là Thái Phiên và Trần Cao Vân với “*Loạn Đầu Bào*” (chữ Loạn do triều đình Huế gán cho để né tránh áp lực của người Pháp – Đầu Bào nghĩa là gọt đầu, cắt tóc). Phong trào Duy Tân khích lệ ăn mặc gọn gàng. Cụ Phan Chu Trinh mặc Âu phục may bằng vải nội hóa và cắt tóc ngắn. Ở Bình Định, Phú Yên, Trần Cao Vân và Thái Phiên tích cực hơn, tổ chức đoàn cắt tóc. Gặp ai búi tóc củ hành, áo dài đến gối là cắt phăng búi tóc, cắt luôn vạt áo. Bài “*Húi Tóc*” được truyền tụng trong dân gian:

### **Húi tóc**

*Tay trái cầm lược,  
Tay phải cầm kéo,  
Húi hê, húi hê,  
Thùng thẳng cho khéo.  
Bỏ cái ngu này!  
Bỏ cái dại này!  
Ăn ngay nói thẳng.  
Đừng có gian lận,  
Đừng có nói láo,  
Ngày nay ta cắt,  
Ngày mai ta cạo.*

Trần Cao Vân còn sáng tác bài “*Kinh Độc Lập*” được khắp ba miền Bắc, Trung, Nam nhiều người hưởng ứng.

### **Kinh Độc Lập**

*Phen này cắt tóc đi tu,  
Đọc kinh Độc Lập ở chùa Duy Tân.  
Ngày đêm tụng niệm chuyên cần,  
Câu cho ích quốc, lợi dân mới là.  
Tu sao mở trí dân nhà,  
Tu sao độ được nước ta phú cường.  
Lòng thành thắp một tuần hương,  
Nam mô Phật Tổ Hồng Bàng chứng minh.  
Tu hành một dạ đĩnh ninh,  
Nắng mưa dám quản công trình một hai.  
Chắp tay lạy chín phương trời,  
Xin trời phù hộ cho người nước tôi.  
Lòng tôi mong đứng mong ngồi,  
Mong sao cho được giống nòi vẻ vang.  
Nào là tín nữ thiện nam,  
Nào là con cái thập phương giúp cùng.  
Giúp tôi đúc quả chuông đồng<sup>84</sup>,  
Cho thành quả phúc ta cùng hưởng chung.  
Nam mô Phật Tổ Lạc Hồng.*

(Có một vài tác phẩm biên khảo rằng bài này của cụ Nguyễn Quyền).

---

<sup>84</sup> Tiếng gọi đồng tâm.

Cụ Trần Quý Cáp sáng tác bài “*Về Cắt Tóc*” để cổ suy Duy Tân.

### **Về Cắt Tóc**

*Vì ai nên nổi u mê,  
Vì coi trước mặt, không dè sau lưng.  
Cái tóc vô dụng quá chùng,  
Lạ thay người thế lại ửng cho dài.  
Trời sinh một mảnh hình hài,  
Cái đầu thờ phụng, cái vai gánh gồng.  
Mắt xem thấy, tai nghe thông,  
Chân thì đi đứng, tay dùng đỡ nương.  
Cái mũi người bước mùi hương.  
Miệng thì ăn uống, lưỡi thường nói năng.  
Ngũ tạng gìn giữ tánh hằng,  
Nhơn, nghĩa, lễ, trí ai rằng là không?  
Thiệt là thân thể phải dùng,  
Cũng nên trân trọng, cũng hòng trông coi.  
Còn như cái nổi tóc dài,  
Tính ra cho kỹ, đặng tài chi chi.  
Gác tay lên trán mà suy,  
Bùi nhùi trên óc, loạn xì trên coi.  
Chẳng chi nực nội mà thôi,  
Đã thêm chí cắn, lại bồi bụi dơ.  
.....  
.....  
Một, hai, ba, bốn xin từ,  
Trước đưa một kéo, sau từ vài câu.  
Văn minh giữ vẹn trên đầu,  
Bao nhiêu cái tóc không cầu không ưa.  
Vị ai còn biết nghe lời.  
Cắt đi cho tiện, chớ cười, chớ chê.*

## CỤ PHAN CHU TRINH

Cụ Phan Chu Trinh ít tuổi hơn cụ Phan Bội Châu, văn thơ cũng như hoạt động vì nước của cụ đều sau cụ Sào Nam. Chúng ta tham khảo về cụ trước khi đi vào thơ văn cụ Sào Nam, nhằm mục đích để nhận biết những điểm dị đồng giữa hai cụ.

*Đã vì nước đem thân trôi nổi như thế này,  
thì không bao giờ sự phú quý làm mờ tối lòng ta được.  
Nếu một ngày kia dân Việt Nam sẽ hóa ra ù lì cả,  
ta đã thế cùng sức hết rồi,  
thì ta còn cách cắt đầu quăng xuống đất,  
không chịu để ai vày đập ta,  
mà cũng không cho ai cướp tự do của ta.*

Phan Chu Trinh

(Ba nhà chí sĩ họ Phan của Đào Văn Hội)

Cụ Phan Chu Trinh tên chữ là Tử Can, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu là Hy Mã, sinh năm 1872 (niên hiệu Tự Đức thứ 26) ở làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. Thân phụ là cụ Phan Văn Bình, làm quan võ. Thân mẫu là cụ Lê Thị Chung, thuộc vọng tộc ở làng Phúc Lâm. Cụ là con út, năm 10 tuổi mới đi học.

Năm 1885 kinh thành Huế thất thủ. Cụ Phan Văn Bình hưởng ứng phong trào Cần Vương, làm chuyên vận sứ ở đồn A Bá, huyện Tam Kỳ, năm 1887 bị hại. Trong cơn gia biến và quốc biến, cụ được anh cả nuôi dưỡng, rước thầy dạy học. Cụ thông minh, hiếu học, lại tinh thông võ nghệ. Từ thiếu thời đã có tiếng trong vùng là người cương trực và uy vũ bất năng khuất.

Năm 1900 cụ thi đỗ cử nhân. Năm 1901, niên hiệu Thành Thái thứ 13, triều đình mở ân khoa, cụ đỗ Phó Bảng, được bổ chức Thừa Biện Bộ Lễ. Nhân trưởng huynh tạ thế, cụ cáo quan về làng dạy học. Năm 1903 lại được bổ Thừa Biện Bộ Lễ.

Trong thời kỳ này, những biến động chính trị ở Trung Hoa đã có tiếng vang sang nước ta. Cụ Phan Chu Trinh nghiên ngẫm những sách phương tây như *Xã Ước* (Contrat Social của J. J. Rousseau), *Vạn Pháp Tinh Lý* (De l'esprit des lois của Spencer) (đó là những sách do Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu dịch sang chữ Hán). Những tân thư này làm cụ có nhãn quan mới về tư tưởng cũng như hành động. Từ một vị đại khoa, thâm nhuần tư tưởng Tống Nho, cụ trở thành một chiến sĩ Duy Tân tích cực. Chán ngán sĩ hoạn vào luôn ra cúi, đau lòng trước hoàn cảnh nước mất dân khổ, cụ từ quan để mưu đồ đại sự.

Năm 1905 ba cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng đi về phương Nam đất nước, mục đích thăm dò dân trí và kết giao hào kiệt. Qua tỉnh

Bình Định, nhân dịp quan tỉnh khảo hạch sĩ tử với đầu đề bài thơ “*Chí Thành Thông Thánh*” và đầu đề bài phú “*Luong Ngọc Danh Sơn*”. Ba vị đại khoa cùng ký tên giả là Đào Mộng Giác, nộp quyền nhằm thức tỉnh đám nho sinh đang đắm đuối trong giấc mộng khoa danh dưới thời vong quốc. Hai cụ Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp làm bài phú, cụ Phan Chu Trinh làm bài thơ, không theo thể lệ trường quy, hàm chứa tư tưởng cách mạng Duy Tân, vì dân vì nước. Viên quan đầu tỉnh sợ hãi, không dám phê chấm chỉ dịch ra rồi trình lên viên công sứ Pháp. (theo “*Việt Sử Tân Biên*” của Phạm Văn Sơn, quan đầu tỉnh dịch ra quốc ngữ. Theo “*Ba Nhà Chí Sĩ Họ Phan*” của Đào Văn Hội thì đầu tỉnh dịch sang tiếng Pháp). Việc truy tầm tác giả vô bằng cứ nên việc này phải bỏ qua.

Cần nhấn mạnh là trước đó, nhân ở kinh đô Huế có mở khoa thi, cụ Phan Chu Trinh là viết bài “*Văn Tế Sóng*” các sĩ tử, lời lẽ mạnh bạo, bài bác cổ tục là ngu đại dị đoan.

*...May mà đặng cử nhân, tấn sĩ, lãng xãng như cháu nọ gặp đèn; mang những đồ áo rộng khăn dài, lóm đóm như mèo kia bị ướt.*

*Dại đến nỗi cúng đất tống ôn, trông nêu đốt giấy, sự đã dại mà cứ theo hoài; quen thói những điều coi giờ nhắm địa, đoán số cúng sao, thói phi lý bỏ đi không dứt?*

Về cuộc Nam du, cụ liên kết nhân sỹ yêu nước, bày tỏ lập trường một cách thẳng thắn và minh bạch: đề xướng theo tân học, bác bỏ hoàn toàn cựu Nho, theo cụ đó là cái học lỗi thời, hủ lậu, cản đường tiến hóa, hại nước hại dân. Ở trong Nam ít lâu, cụ trở ra thăm các tỉnh miền Bắc Trung Việt và Bắc Việt, liên lạc mật thiết được các sĩ phu kiệt liệt như cụ nghề Tập Xuyên Ngô Đức Kế, cụ giải nguyên Lê Văn Huân, cụ cử nhân Võ Văn Bá, cụ nghề Tống Duy Tân, cụ cử Hoàng Văn Khải, cụ cử Lương Văn Can, cụ hoàng giáp Đào Nguyên Phổ và nhờ cụ Võ Hoành đưa lên Yên Thế thăm cụ Hoàng Hoa Thám.

Trong thời gian ấy cụ Phan Bội Châu đang dìu dắt thanh niên xuất dương du học tại Nhật. Cụ bí mật gửi thư vận động tinh thần du học để canh tân xứ sở về nước, đồng thời cụ cũng vận động đồng bào đóng góp sở phí giúp tuổi trẻ Đông Du (du học ở Nhật Bản), tạo thành một phong trào lớn mạnh được quốc dân ý thức và hưởng ứng. Cụ Phan Chu Trinh bèn quyết định sang Nhật. Hai cụ Phan gặp nhau ở Quảng Đông rồi cùng sang Đông Kinh (Tokyo).

Ở Nhật ít lâu, xem xét tình hình nước này, thảo luận cùng cụ Phan Bội Châu về cách thế cứu nước. Hai cụ đồng tâm đồng chí ở điểm cùng mục đích cứu nước nhà khỏi ách nô lệ làm than, nhưng phương thức hành động khác nhau.

...Hạ tuần tháng Hai, cụ Tây Hồ ở Hương Cảng, nghe tôi qua Quảng Đông cũng qua ngay và thăm cụ Luru<sup>85</sup>, cụ Nguyễn<sup>86</sup>.... Khi xem đến “Duy Tân Hội Chương Trình”, cụ lặng thinh một lúc, rồi nói: “Tôi rất mong muốn qua Nhật một chuyến rồi về nước.” Ý tứ cụ lúc đó cho thấy đã có chí hướng khác... Tôi sắp đặt, trung tuần tháng 3 đưa cụ Tây Hồ và Kỳ Ngoại Hầu đến Hoàn Tân. Thượng tuần tháng Tư tôi đưa học sinh lên Đông Kinh vào học các trường Chấn Võ (quân sự, tốt nghiệp thành sĩ quan), Đồng Văn (trung học Nhật). Hồi tôi lên Đông Kinh, cụ Tây Hồ đi cùng. Quan sát công việc chính trị, giáo dục của Nhật, cụ nói với tôi: “Trình độ dân Nhật như thế mà trình độ dân ta thì như thế, không nô lệ làm sao được! Đưa được bấy nhiêu học sinh vào học đường Nhật là sự nghiệp rất lớn của ông đó. Từ nay ông hãy ở yên bên Nhật mà nghỉ ngơi tĩnh dưỡng, nên hết sức chăm chỉ viết sách, chẳng nên nói đến chuyện bài Pháp làm gì, chỉ nên đề xướng dân quyền. Dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính làm được.

Từ đó luôn 10 ngày, tôi với cụ bàn đi bàn lại, ý kiến rất trái nhau. Cụ thì muốn: vun trồng nền tảng dân quyền, đánh đổ quân chủ. Còn ý tôi thì muốn đánh đuổi Pháp trước, khi nước nhà độc lập rồi mới bàn đến việc khác. Vì thế, đang lúc đánh Pháp, phải lợi dụng quân chủ. Chính kiến của hai chúng tôi đối lập. Cùng chung một mục đích mà cách thức mưu đồ quốc sự khác nhau xa. Cụ thì muốn đi con đường nương tựa Pháp đánh đổ vua, tôi thì muốn đi con đường bài Pháp phục Việt. Đó là điểm mâu thuẫn giữa hai chúng tôi.

Tuy nhiên, dù chính kiến trái nhau, nhưng ý khí lại rất ưa nhau. Cụ với tôi kẻ gói chung giường gần một tháng thì cụ về nước.

(Phan Bội Châu niên biểu)

Ở Nhật về nước, cụ Phan Chu Trinh đi diễn thuyết một cách tích cực, đã phá quân chủ một cách triệt để, đã phá cụ học một cách cực đoan: không bỏ đế chế, không bỏ Nho học, không thể cứu được nước. Cụ nỗ lực quảng bá thái độ chính trị “Pháp Việt Đề Huê” và bài bác chống Pháp bằng vũ lực: “chớ bạo động, bạo động thì chết uổng”. Cụ chủ trương: dân ta hãy gắng sức dựa vào dân trí ta, văn minh tân học của ta cao ngang với Pháp thì Pháp tự động phải rút khỏi nước ta. Không cần đổ máu một nhân mạng mà dành lại được nền độc lập. Đặc biệt các tỉnh miền Nam cái nơi tiền bạc nuôi dưỡng thanh niên Đông Du cụ Phan Chu Trinh hoạt động ráo riết, trình bày những nguy hiểm có thể xảy ra cho thanh niên tại Nhật và gia đình họ ở nhà. Hoạt động của cụ làm cho đa số phụ huynh nao núng, lo âu. Tài chính

<sup>85</sup> Cụ Luru: Luru Vĩnh Phúc.

<sup>86</sup> Cụ Nguyễn: Nguyễn Thượng Hiền.

của Đông Du vì vậy trở nên thiếu hụt. Nhiều du học sinh người miền Nam đã phải bỏ học, bỏ lý tưởng, về quê sống an phận thủ thường.

Cũng từ khi ở Nhật về, cụ Tây Hồ quyết định chỉ vận động cải thiện chính trị một cách công khai trước quốc dân và nhà nước bảo hộ. Tuyệt đối không tổ chức hội kín. Ngày 15 tháng 8 năm 1906 cụ gửi cho toàn quyền Đông Dương, dài 12 trang, nêu ra 3 điểm chính:

- Sự mục nát của quan trường mà nhà nước bảo hộ chịu trách nhiệm vì đã dung túng họ.
- Chính sách cai trị của người Pháp mắc nhiều lỗi lầm vì khinh dân Việt Nam.
- Cụ đề nghị: *“Kén chọn người hiền tài, trao cho quyền bính, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo quan mở rộng để thông đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm minh để khuyên răn quan lại. Còn đến những việc đổi luật pháp, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm cho đến học công thương, mỹ nghệ và các ngạch sưu thuế cũng phải cải lương dần dần, như thế thì dân được yên nghiệp làm ăn sẽ vui lòng giúp việc cho chính phủ, bấy giờ họ chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa.”*

Công cuộc nhằm cải thiện chế độ thực dân dưới hình thức công khai của cụ Tây Hồ thất bại. Kẻ ngoại xâm không chịu nghe theo ý cụ, tuy vẫn lưu ý hoạt động của cụ. Tháng 12 năm 1907, thống sứ Bắc Kỳ Miribel đã đề nghị với toàn quyền Đông Dương như sau:

*Tốt nhất là gắng mua chuộc Phan Chu Trinh về phe ta trước khi ông trở thành một kẻ thù công khai. Có lẽ chúng ta có thể ban cho ông một chức vụ ngoài chính quyền, với chức vụ đó ông sẽ có thể vừa thi thố những khả năng thực tế của mình mà vẫn giữ được tư cách độc lập ông ta rất thiết tha.*

Với chủ trương:

- Mở mang dân trí,
- Loại bỏ đế chế cùng quan trường,
- Tôn trọng dân quyền.

Ngày 4 tháng 4 năm Mậu Thân (1908) cụ bị pháp bắt tại Hà Nội giao cho triều đình Huế. Giam 8 tháng rồi đày Côn Đảo, án “xử tử đày Côn Đảo, không ân xá”. Dư luận Việt Nam quá sôi động, toàn quyền Pháp đề nghị ân xá cụ. Hội nhân quyền do Babut đề nghị đã đòi bãi bỏ án tử hình. Viên toàn quyền Pháp (Klobukowsky) và Babut trở thành thân thiết với cụ rồi đưa cụ qua Pháp. Ở đây cụ

thường lui tới Thượng và Hạ Viện để đưa ra những dự án cải tổ chính trị của Pháp ở Việt Nam, nhưng không có hiệu quả gì.

Năm 1915 cụ bị Pháp gán tội làm gián điệp cho Đức và bắt giam vào nhà tù quốc sự phạm (Prison de la Santé). Hội Nhân Quyền vận động ráo riết, sau 10 tháng tù, cụ được tha. Trong thời gian này cụ có 3 bài cảm tác:

**Cây cao thì gió phải lay  
Người cao thì phải đắng cay trăm chiều**

*Lạ chi thói gió tự xưa nay,  
Hễ thấy cây cao chỉ muốn lay.  
Thẳng vóc sô sà hay cứng cõi,  
Xóc luồng tức tới cứ long lay.  
Coi buồm, khách thạo ghê nương bóng,  
Né ná, chim hèn sợ dính dây.  
Nôm, bác, trời thấy ra sức thổi,  
Cột rường trăm thước vẫn chờ ngày.*

(còn 2 bài cảm tác nữa, xem Thơ Văn Yêu Nước Và Cách Mạng, trang 209-210).

Trong thời gian sống ở Pháp, nhận thức đúng đắn giá trị đích thực của văn minh cơ giới cũng như đạo đức xã hội Thái Tây, cụ không còn đả phá văn minh nhân bản Đông Phương như thừa mớ dán thân vào trường tranh đấu vì dân vì nước. Thái độ ấy có thể nhìn rõ qua “*Thư Gửi Thiếu Niên Trong Nước*” của cụ:

*Anh có hiểu chắc thế nào là một người có lòng với nước không? Một người có lòng với nước, chỉ biết có nước mà thôi. Việc lợi cho nước thì làm, việc hại cho nước thì tránh, còn lợi hại riêng đều gác ra ngoài vòng cả. Nhưng cũng phải tùy tài tùy sức. Biết đến đâu làm đến đấy, biết đến đâu nói đến đấy. Việc không làm được, thế không nói được, để mặc cho người khác làm, mặc cho người khác nói. Còn ai khen gì, chê gì, cho gì, dậm dọa gì, ta cũng cứ giữ khư khư một lòng mà thôi.*

*Các anh thiếu niên ta ơi! Xin các anh chịu khó gia tâm một tí, tìm cho đến cội rễ, hỏi cho đến ngọn nguồn. Biết một việc lo cho chắc một việc, nói một câu cho đúng một câu. Trước phải hiểu lịch sử nước nhà, sau phải coi phong trào thế giới: Làm sao là khôn? Làm sao là dại? Đâu là quốc túy phải giữ gìn? Đâu là hại phải cắt đứt. Số phận nước nhà ở trong tay các anh đấy. Các anh bước tới một bước thì dân nhà nhờ một bước. Các anh lạc một khoảng đường thì nước nhà lại bị nhận chìm mấy lần địa ngục.*



Qua bức thư, cụ đã nhìn nhận giòng sống của người Việt có những giá trị cao quý: “đâu là quốc túy phải giữ gìn”.

Trong bức thư Bảy điều đàn hạch vua Khải Định<sup>87</sup>, cụ trình bày tư tưởng dân chủ của Nho học. Đó là một biến chuyển quan trọng trong triết lý cách mạng của cụ, một bậc sĩ phu anh kiệt trong thời Pháp thuộc.

Năm Ất Sửu (1925) phong trào giành độc lập, đòi lại quyền với tinh thần dân chủ như sóng xô khắp nước. Những lực lượng võ trang đang âm thầm mạnh nhen. Bên Trung Hoa, Việt Nam Quang Phục Hội đổi tên thành Việt Nam Quốc Dân Đảng, thái dụng Tam Dân Chủ Nghĩa.<sup>88</sup> Thực dân Pháp đưa cụ Phan Chu Trinh về nước với thâm ý lợi dụng uy tín cụ, lợi dụng chính kiến chủ hòa của cụ nhằm chia rẽ lực lượng cách mạng đang tiến mạnh sang giai đoạn tích cực trực diện chiến đấu chống ngoại xâm.

Cụ Tây Hồ về nước, vẫn giữ nguyên đường lối cũ, Pháp Việt đề huề, chủ hòa không chủ chiến, dựa Pháp học văn minh cơ giới Thái Tây cho đến khi dân văn minh bằng người, người bảo hộ tự nhiên hết vai trò bảo hộ, dân được trút ách nô lệ mà không tốn máu xương, sống đời tự do dân chủ. Cụ đi diễn thuyết nhằm dấy động dân tâm, sĩ khí ở các tỉnh miền Nam. Đêm 24 tháng 3 năm 1926 cụ tạ thế ở Sài Gòn.

---

<sup>87</sup> Bảy điều đàn hạch vua Khải Định của cụ Tây Hồ:

1. Tôn bậy quân quyền.
2. Lạm hành thưởng phạt.
3. Thích chuộng những sự quỳ lạy.
4. Xa xỉ quá độ.
5. Y phục không phải lối.
6. Chơi bời vô độ.
7. Đi Pháp chuyến này có việc ám muội.

<sup>88</sup> Thái dụng Tam Dân Chủ Nghĩa: mượn tên Tam Dân Chủ Nghĩa mà dùng. Tuy cùng tên nhưng triết lý chính trị hàm chứa nhiều điểm quan trọng thiết yếu.

## CỤ PHAN BỘI CHÂU

*Đối với lý tưởng phải hết sức trung thành.  
Thà vì lý tưởng mà hy sinh mình,  
chẳng vì mình mà bỏ lý tưởng.*

Phan Bội Châu

*Lịch can huyết dĩ điều canh,  
để thiên diệp giám.  
Chú tinh thành ư nhất tiễn,  
kim thạch năng khai.*

Phan Bội Châu.

(Lấy máu và gan để nấu canh, thượng đế cũng chứng giám. Thành tâm dồn hết tinh thần vào một mũi tên, cứng bền như vàng đá cũng phải tan.)

Cụ Phan Bội Châu sinh ngày 1 tháng 12 năm Đinh Mão (26/12/1867). Thân phụ là cụ Phan Văn Phổ, một bậc hàn nho tiết tháo, làm nghề dạy học. Thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Nhân, giọng dõng thi lễ.

Cụ chào đời ở làng Sa Nam<sup>89</sup> xã Đông Liệt. Đến năm lên ba, gia đình trở về quê ở làng Đan Nhiễm<sup>90</sup> Tổng Xuân Liệt. Tư chất thông minh, 5 tuổi đã thuộc nhiều bài thơ *Chu Nam Kinh Thi*, 6 tuổi học 3 ngày thuộc *Tam Tự Kinh* không sót một chữ, 7 tuổi đọc hiểu kinh truyện, nhái *Luận Ngữ* viết thành *Phan Tiên Sinh Luận Ngữ*.

Năm 9 tuổi, tức năm Tự Đức thứ 29 (1874), Pháp chiếm Lục Tỉnh, triều đình bó tay nhường đất. Sĩ phu Nghệ Tĩnh là Trần Tấn (Thanh Chương), Đậu Mai (Diễn Châu), Lê Khanh (Hà Tĩnh) dấy nghĩa Bình Tây. Nhân việc này, thiếu nhi Phan Bội Châu cũng họp bạn thơ cùng học thành đội ngũ Bình Tây.

Năm 13 tuổi nổi tiếng thơ văn trong vùng, được thân phụ cho theo học cử nhân Nguyễn Kiều, một bậc túc nho khoáng đạt. “*Nhưng tiếc thay, lúc bấy giờ chỉ đua đua bằng văn chương khoa cử, không có gì đáng ghi lại. Chỉ biết khoa cử hư văn ngày xưa, quyết không phải tội ở Tây học. Hoàn cảnh tôi tầm đã chôn sống không biết bao nhiêu là thiếu niên thông minh. Đau đớn biết chừng nào.*” (trích Phan Bội Châu Tự Phán – bản dịch của tác giả).

Năm 17 tuổi, tức năm Quý Mùi (Tự Đức thứ 36 – 1883) Pháp chiếm Bắc Kỳ. Nghĩa quân nổi dậy khắp nơi. Thiếu niên Phan Bội Châu quy tụ thân bằng thiếu

<sup>89</sup> Nay là xã Nam Diễn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

<sup>90</sup> Nay là xã Xuân Hòa, ở phía đông huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

hiệp, thảo hịch *Bình Tây Thu Bắc*. Những thiếu niên tham gia vụ này, về sau nhiều người trở thành sĩ phu hào kiệt, như cụ Đặng Thái Thân. Cũng năm ấy, cụ Phan Bội Châu đầu đầu phủ Anh Sơn (huyện Nam Đàn thuộc phủ Anh Sơn).

Năm 19 tuổi, tức năm Ất Dậu (niên hiệu Hàm Nghi thứ nhất, 1885) kinh thành thất thủ, Vua Hàm Nghi xuất bôn. Cụ Phan Bội Châu cùng bạn thân là Trần Văn Lương (sau đỗ cử nhân, không làm quan) quy tụ hơn 60 thân bằng cùng học, tổ chức đội “Thiếu Sinh Quân”, mời bậc khoa bảng nghĩa khí là cụ Đinh Xuân Sung làm đội trưởng. Được 10 ngày Pháp kéo đại quân đến đốt phá thành Nghệ An. Nghĩa sĩ “Thiếu Sinh Quân” tan hàng, may việc còn trong vòng bí mật nên không ai bị thiệt mạng.

*Hễ muốn làm anh hùng tất phải tìm dưỡng cho thật lâu, muốn gánh vác việc lớn tất phải chứa mưu cho thật nhiều.*

*Hễ những tuồng tiến táo khinh động (nóng nảy hấp tấp) bắt cộp bằng tay không, qua sông bằng mình truồng, quyết không làm thành được việc gì.*

*Từ đó về sau, hơn 20 năm tôi mới chuyên chỉ vào một mặt tu dưỡng.*

(Phan Bội Châu Tự Phán – bản dịch của tác giả).

Năm 34 tuổi (33 tuổi tây), năm Canh Tý, niên hiệu Thành Thái thứ 12 (1900) thi đậu giải nguyên.

*Mái tóc Giáp Thìn đã nhuộm tuyết,  
Đỉnh đầu Canh tý chứa phai son.*

Trần Tế Xương

Năm Canh Tý (1900) cụ họp đồng chí ở Nghệ An, bàn định kế hoạch khởi sự đại nghĩa: giành lại độc lập.

Năm Giáp Thìn (1904) cụ họp đồng chí ở Sơn Trang, Nam Thịnh, thuộc tỉnh Quảng Nam, thành lập Việt Nam Quang Phục Hội.

Năm Ất Tị (1905) cụ xuất dương, lập phong trào Đông Du. Tháng 10 năm Đinh Mùi, đón Kỳ Ngoại Hầu qua Nhật (1907).

Từ năm Canh Tý (1900) cụ hiến dâng trọn vẹn thân thể cho công cuộc mưu đồ độc lập, tự do đích thực cho quốc dân Việt Nam. Xét trong lịch sử ta, kể từ 1900 cho đến hiện tại, Phan Bội Châu là sao Bắc Đẩu trên vòm trời Đại Việt.

Công nghiệp cụ, trước lịch sử, thuộc bộ môn sử học. Chúng ta chỉ khảo lược mấy nét chính cương để có thể đi vào văn nghiệp của cụ. Văn nghiệp của cụ bao trùm trên các lãnh vực tư tưởng triết lý, chính trị xã hội, đạo đức nhân bản, nghệ thuật thẩm mỹ, gồm cả các dạng thức thơ, văn, câu đối, phú, v.v.. Đến nay, chưa một

công trình sưu tập nào sưu tập đủ tác phẩm của cụ. Lý do: hoàn cảnh lịch sử làm tản mát, thất lạc đi nhiều.

“*Tin hoàn toàn vào sách không bằng không đọc sách*”, các tác phẩm của cụ Phan Bội Châu, ngày nay sưu tập được và ấn hành, các bạn học viên nên có và đọc với tâm lòng và trí phán đoán để tránh ngộ nhận. Thuở sinh tiền, cụ đã có than: “*Cũng vì tôi có chút tên tuổi trong quốc dân, nhiều bạn trẻ viết sách đã mượn tên tôi ký làm tác giả. Điều này, tôi không phản đối, nhưng ít ra trước khi in với tên tôi cũng nên cho tôi được đọc qua. Nay có những cuốn in với tên tôi chưa từng được biết, được đọc.*” (Báo Tiếng Dân).

## VĂN NGHIỆP CỤ PHAN BỘI CHÂU

Văn và sử là hai bộ môn không thể tách rời, đặc biệt thi ca ái quốc.

Chính sách Nguyễn triều bé quan tòa cảng, giáo dục chuộng khoa cử hư văn. Trong khi năm châu chuyển mình, khoa học thực nghiệm đạt những kết quả tân kỳ thì giới sĩ nước ta còn chìm đắm trong ao tù văn chương bát cổ (Kinh Nghĩa, một hình thức văn chương khoa danh có tám vế). Cụ Phan Bội Châu, ở thuở ban đầu, cũng không tránh khỏi trạng huống ấy.

Năm 1897, cụ Phan Bội Châu gặp cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền (đỗ Hoàng Giáp, người làng Liên Bạt, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, có danh tiếng ở chốn đế đô). Đọc bài phú “*Bái Thạch Vi Huynh*” của cụ Phan, cụ Nguyễn mến phục, bèn bí mật đưa cho nhiều sách khảo cứu chính trị cùng những tân thư cổ võ cách mạng do hai thầy trò ông Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu dịch.

Đọc những sách ấy, cụ Phan Bội Châu như bừng tỉnh sau cơn mê dài, bỗng bật chê nền giáo dục có giá trị nhân bản, quản trị xã hội phương Đông trong vòng nhân ái mấy ngàn năm là “*thư năm xe vô tích cả năm*”. Quá đau lòng trước cảnh nước nhà nô lệ, dân nước bị lầm than đọa đày vì cái ao tù “*bé quan tòa cảng*” cụ uất ức than:

*Dân hăm lăm triệu không người lớn.  
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.*

Hoặc:

*Cái đồ bất hiếu hăm lăm triệu,  
Còn mặt nào trông giữa cõi đời!  
Những tướng của ông là của cháu,  
Ai hay người Việt lẫn người Hời!*

Tháng 5 năm 1903 cụ Phan gặp được cụ Tiểu La Nguyễn Thành ở Quảng Nam. Hai cụ đàm luận quốc sự rất tâm đầu. Cụ Tiểu La phân tích tư tưởng Nho, một hệ thống triết lý bao gồm đạo đức chính trị nhân bản, khiến cụ Phan một lần nữa tỉnh ngộ trong cơn hoa mắt vì tân thư. Từ đây, bước đường cách mạng của cụ có tư tưởng chỉ đạo sâu sắc và sáng suốt.

Làm việc yêu nước, cụ định nghĩa thế nào là ái quốc .

### **Định Nghĩa Ái Quốc**

*Giòng giống Tiên Rồng, màu da hoàng Hán,  
Chôn nhau cắt rún ở đất nước nhà.  
Nước là mẹ ta, ta là con nước,  
Thân con có phước, nhờ mẹ lâu dài.  
Mẹ mất con cô, còn gì thân thể!  
Cuộc đời dâu bể, trời cướp mẹ mình,  
Hồn mẹ lên đên, nổi con chua xót.  
Nào người tâm huyết, máu chảy ruột mềm,  
Quên mẹ sao nên, phải thương đến nước.  
Song le ái quốc, há phải nói không,  
Ái cốt ở tâm, ái không ở miệng.  
Những người ái miệng, bán tiếng mua danh.  
Dối người dối mình, trộm nhân trộm nghĩa.  
Ái mà ái thế, không ái còn hơn,  
Hại cả toàn quân, thương gì đến nước.  
Những người ái quốc, xin ái thiệt thà,  
Quên mình quên nhà, chỉ biết có nước.  
Tùy tài tùy sức, lớn nhỏ mặc lòng,  
Góp giọt thành sông, chắt hòn nên núi.  
Nhiều tay xúm lại, cơ nghiệp nước mình,  
Mừng mẹ tái sinh, thỏa lòng con ái.  
Thế cùng sông núi, giữ tâm lòng ngay,  
Ái quốc ai đây, thiên vãn ghi tạc.*

Cụ Phan Bội Châu đã “quên mình quên nhà, chỉ biết có nước” cho đến hơi thở cuối cùng. Khi thành lập Việt Nam Quang Phục Hội ở sơn trang Nam Thịnh (làng Thành Mỹ, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam), nhận thức rằng giặc Pháp không đuổi không đi (Nếu chủ trương ôn hòa bất bạo động, chỉ chuyên chú mở mang dân trí, phát huy văn minh khoa học, chừng nào dân trí cao bằng dân trí Pháp, nước nhà có một nền văn minh khoa học ngang hàng văn minh Pháp thì thực dân Pháp tự nhiên phải rút khỏi nước ta thì chỉ là một chủ trương không tưởng.) Do đó, Việt

Nam Quang Phục Hội chủ trương song song với việc mở mang dân trí, hưng khởi dân tâm là tổ chức võ trang để chiến đấu với giặc.

Để phát huy cao tinh thần dân tộc, cụ Phan Bội Châu viết “*Việt Nam Quốc Sử Khảo*”, nơi tác phẩm này, cụ nhập dẫn với chương “*Nước Là Gốc*”. Mở đầu, cụ viết:

*Cái mà người ta yêu quý nhất, không gì bằng thân mình. Trên thân mình là tổ tông, cha mẹ, dưới thân mình là con, cháu, chắt chít, nhưng kỳ thực đều là một thân ta cả. Tổ tông cha mẹ ta ở đâu ra, con cháu chắt chít ta nương tựa vào đâu? Suy đi tính lại, chẳng phải là nước đó sao? Vậy nước ta là tính mệnh của thân ta. Thân ta vì đâu mà có giá trị? Vì có nước. Nước mất thì giá trị ta thấp hèn. Thân ta vì đâu mà có quyền? Vì có nước. Nước mất thì quyền không còn.*

Nhiều người thấy cụ Phan Bội Châu tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm minh chủ, làm tướng cụ còn mang nặng đầu óc tôn quân. Thực ra, vì công lao mở nước ở miền Nam của các chúa Nguyễn, nên đồng bào miền Nam còn tưởng vọng, nên cụ Phan cùng các đồng chí dùng thủ đoạn tôn súp Kỳ Ngoại Hầu. Điều này chính Hầu cũng biết và đồng ý. Trong tác phẩm “*Việt Nam Quốc Sử Khảo*”, chủ trương Dân Chủ, Dân Quyền đã được viết minh bạch:

*Theo công pháp vạn quốc quy định, được gọi là một nước phải hội đủ ba yếu tố:*

*Có người dân.*

*Có lãnh thổ.*

*Có chủ quyền.*

*Thiếu một trong ba yếu tố ấy, không đủ tư cách là một nước. Trong ba yếu tố ấy thì quốc dân là quan trọng nhất. Không có quốc dân thì lãnh thổ không thể còn, chủ quyền không thể lập.*

*Quốc dân còn thì nước còn, quốc dân mất thì nước mất (theo tinh thần quân chủ Tống Nho, vua mất thì nước mất. Phụ chú của người viết, T.L.G.). Muốn biết quốc dân còn mất như thế nào thì phải xem cái quyền của quốc dân còn mất như thế nào. Dân quyền được đề cao thì quốc dân được tôn trọng, mà nước mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ thì dân bị khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất mà nước cũng mất...*

*Chính phủ chỉ là đại biểu cho cả nước mà thôi, chính quốc dân mới là nền tảng căn bản, then chốt của nước. Vua phải coi dân là trời, dân chính là trời của kẻ đứng đầu cơ quan quản trị nước. Ngày nay, dân quyền đã mất*

*hết thì có dân cũng như không có dân. Tình trạng như thế thì nước không thể không mất được.*

Năm Bính Ngọ (1906) cụ Phan Chu Trinh và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để được cụ Phan Bội Châu đưa qua Nhật. Để kỷ niệm năm Kỳ Ngoại Hầu đặt gót chân lên đất Phù Tang, ngôi nhà cụ Sào Nam ngay ở bến Hoàn Tân bây giờ được đặt tên là Bính Ngọ Hiên.

Trước khi qua Nhật, trong gần nửa tháng lưu tại Quảng Đông, cụ Phan Chu Trinh bàn về quân chủ, cho rằng đó là chế độ rất tai hại cho nước nhà. Ý cụ muốn thuyết giảng về Dân Quyền và Dân Chủ (tư tưởng cụ đọc nơi sách của J. J. Rousseau và Montesquieu mà cụ tôn là bậc thầy. Trong khi diễn thuyết trước đại chúng, cụ thường hay nhắc đến “Thầy Lu Thoa”, thầy Mạnh Đức Tư Cru). Kỳ Ngoại Hầu cũng như cụ Phan Bội Châu vốn đã chủ trương một nền chính trị dân chủ, tôn trọng dân quyền, trước nhiệt tâm bông bột của cụ Tây Hồ, để giữ hòa khí giữa những tâm hồn yêu nước, Kỳ Ngoại Hầu đã viết một bức thư gửi quốc dân, in và nhờ ông Lý Tuệ đem về nước giao cho các cụ Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ. Bức thư ấy, Hậu Ký là “Dân Tặc Hậu Cường Để” (nghĩa là: Cường Để, hậu duệ của giặc dân). Điều này cho thấy độ lượng và thái độ quả quyết đặt quốc dân lên trên hết của những nhà lãnh đạo Đông Du.

Năm 1907 cụ Phan Bội Châu viết và ấn hành cuốn “*Tân Việt Nam*” ở Bính Ngọ Hiên. Tác phẩm viết bằng chữ Hán và được chuyển Nôm (chuyển sang tiếng Việt Nam). Tác phẩm trình bày chí hướng cương quyết Duy Tân để đưa nước nhà đến phú cường, đưa dân nhà đến hạnh phúc dưới chế độ dân chủ thật sự. Cụ trình bày minh bạch gọn ghẽ, bằng lời văn giản dị để người bình dân ít học đọc cũng hiểu được tình trạng bi đát của dân ta trước khi duy tân và hạnh phúc mà quốc dân được hưởng sau khi nhà nước nhà đã duy tân.

Dưới đây xin trích mấy đoạn điển hình để học viên suy ngẫm về tấm lòng ái quốc của tiền nhân:

*Từ khi Pháp bảo hộ nước ta đến nay, chúng chiếm giữ hết mọi quyền lợi và muốn làm sống làm chết ai cũng được.*

.....

*Sau khi duy tân rồi thì tư cách nội trị, quyền lợi ngoại giao đều do ta nắm giữ. Sự nghiệp văn minh ngày càng tiến bộ, phạm vi thế lực ngày càng mở mang...*

*Cái nọc độc chuyên chế của bọn người hại dân áp ử đã hàng ngàn năm nay từ bên Trung Quốc lây sang nước ta, đến nỗi một tên độc phu (vua) và vài vạn kẻ dung nhân (quan) làm cá làm thịt trăm họ dân ta...*

*Sau khi đã duy tân rồi, thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt, vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ.....*

.....

*Bội Châu tôi tuy là người tài hèn sức mọn, nhưng cũng là một người con thương mến của nước ta, xin kính cẩn tỏ bày kiến thức thô thiển vụng về của mình để các bậc cha mẹ, chú bác, anh em chọn lấy. Có sáu điều mong lớn (lục đại nguyện) như sau:*

*Xin mọi người trong nước ta đều có ý chí tiến thủ, mạo hiểm.*

*Xin mọi người trong nước ta đều có tinh thần thương mến tin yêu nhau.*

*Xin mọi người trong nước ta đều có tư tưởng tiến bước lên nên văn minh.*

*Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành yêu nước.*

*Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành công đức.*

*Xin mọi người trong nước ta đều có hy vọng về danh dự lợi ích.*

Sau 20 năm bôn ba vì nước, cụ bị bọn người phản phúc dẫn đường cho Pháp bắt. 15 năm bị giam lỏng ở Bến Ngự (thuộc Huế), không thể tung hoành ở chính trường và chiến trường, cụ điềm tĩnh viết những tác phẩm giá trị để đóng góp vào nền giáo dục quốc dân.

Về giáo dục, cụ quan niệm:

*Cái họa chết bằng óc đói, thiệt tai hại hơn cái chết bằng bụng đói biết bao nhiêu! Bây giờ muốn tránh cái họa ấy, chẳng gì cần hơn là giáo dục.*

*Chẳng bao giờ giáo dục chết mà quốc dân sống, chẳng bao giờ giáo dục mất mà quốc dân còn; chẳng bao giờ giáo dục suy mà quốc dân thịnh được.*



*Quốc dân chẳng sống, quốc dân chẳng còn, quốc dân chẳng thịnh thì cái địa vị một nước ra thế nào?*

*Dân là sinh mệnh của nước, mà giáo dục lại là sinh mệnh của dân. Giáo dục mà không phải là quốc dân giáo dục thì hai chữ giáo dục chẳng phải là chữ suông trên pho tự điển đó thôi ư?*

(Văn học tuần san số 3, ngày 1 11 1933 “Vấn đề Quốc Dân Giáo dục”)

Trong thời gian cụ sống bó tay ở Bến Ngự, cộng sản và tư bản là hai thế lực lớn khuynh loát cả toàn cầu. Trên báo *Tràng An* số ra ngày 7 tháng 10 năm 1938, cụ thẳng thắn phê bình chủ trương giai cấp đấu tranh của cộng sản như sau:

*Cần phải kêu gọi tinh thần hợp nhất, cần phải có sự đồng tâm. Muôn ngàn người như một, cùng một mục đích, cùng một thủ đoạn thì việc làm mới mong có ngày thành tựu được.*

*Lao tư hỗ trợ, ở nước ta chưa có sự phân biệt rõ ràng của hai giai cấp này, tuy hạng chủ cũng không nên dùng chính sách bóc lột đối với hạng thợ thuyền, và hạng này cũng không nên gây thù kết oán với hạng kia. Phải tương tư tương trợ để bồi bổ cho cái nền tảng của quốc gia đứng vững đã.*

*Hô hào giai cấp đấu tranh ở xứ này là một việc cực ngu! Những người thức thời không bao giờ làm như thế! Thế nào là tư bản? Một người có 5, 10 mẫu ruộng, một anh chủ tiệm may gọi là tư bản ư? Cứ xem bảng thống kê ở các nước khác thì đã có người Việt Nam nào đáng gọi là tư bản? Tôi đã nói ở nước này chưa có sự phân biệt rõ ràng của hai giai cấp tư bản và lao động: người Việt Nam chúng ta đều là hạng người mất quyền, hạng người mất nước cả. Cùng một tai nạn, đã không chung sức để tùy theo cảnh ngộ mà lần hồi thu phục lại những quyền đã mất để gây dựng lại nền tảng quốc gia, lại còn đi kiếm cách tương tàn tương phẫn, làm giảm mất lực lượng tranh đấu, thật là một điều thất sách.*

*...Tóm lại là người ta lợi dụng phong trào xã hội để chia rẽ lực lượng trong nước, để phá hủy sức đoàn kết và để làm tiêu diệt tinh thần quốc gia của dân ta.*

Chủ nghĩa tư bản, theo cụ là một sự nguy hại của xã hội:

*Xưa nay trong quốc gia xã hội, sở dĩ đến nổi bất yên là nguyên nhân vì bất hòa. Sở dĩ bất hòa là nguyên nhân vì bất quân. Hễ xử trí không được quân bằng thì ở trong xã hội đó, người giàu và sướng ăn hiếp người đói và khổ, người đói và khổ tức giận người giàu và sướng, tất nhiên sinh ra bất hòa. Đã bất hòa tất phải thù oán nhau, làm gì cho yên được? Hễ đã bất yên thì cái nghiêng đổ tới ngay.*

(Khổng Học Đăng)

Chủ nghĩa vô sản, theo cụ là sự tàn độc của xã hội:

*Nhất thiết loài người, khi mới sinh ra, người nào cũng có thể dấn vào đường tốt, có can hại gì mà đến nỗi mất nhân cách? Người sở dĩ mất nhân cách chỉ vì hoàn cảnh lừa đẩy: hoàn cảnh tốt thời tốt, hoàn cảnh xấu thời xấu.*

*Hoàn cảnh tốt là gì? Là tiền bạc có sẵn luôn luôn, gọi là hữu hằng sản. Hoàn cảnh xấu thời trái lại, một bữa no mười bữa đói, một ngày đủ mười ngày thiếu, không tiền của sẵn luôn, chính là vô hằng sản.*

*Tuy ở trong loài người cũng có một hạng người mà ta gọi là thánh hiền, dầu gặp hoàn cảnh xấu (vô hằng sản) mà tâm địa luôn luôn tốt (hữu hằng tâm). Nhưng hạng người ấy quá hiếm, chỉ duy đạo đức cao, học vấn tốt mà làm một hạng “sĩ” mới hay được như thế. Còn như lớp dân phổ thông thời vì vô hằng sản tức khắc nhân đó mà vô hằng tâm. Nếu đã đến lúc vô hằng tâm thời tuông luồng, xiên vạy, gian dối, bậy bạ, chẳng cái gì không làm. Đến khi đã làm điều xấu mà bị can phạm pháp luật, sụp vào tội ác, thời những người có quyền chính trị vịn lấy có đó mà trừng phạt, chém giết họ. Thế thời những bọn có quyền chính trị đã đặt bẫy mà sụp dân đó vạy. Làm chính trị bực ác để đến nỗi dân đói rét, khi họ vì đói rét mà sụp vào tội thời lại giữ pho luật ra mà trừng phạt, chém giết họ, chẳng phải thả bẫy sụp dân là gì?*

(Khổng Học Đăng)

Cụ Phan Bội Châu tạ thế tháng 10 năm 1940, để lại cho quốc dân một công trình lịch sử to tát và một kho tàng văn học lớn lao. Trước khi lâm chung, cụ có viết mấy lời *Vĩnh Quyết* với quốc dân đồng bào, gửi cụ Huỳnh Thúc Kháng đăng báo *Tiếng Dân*. Mấy lời *Vĩnh Quyết* của cụ bị kiểm duyệt cắt xén. Sau này, học giả Nguyễn Thiệu Lâu có hỏi cụ Huỳnh về phần bị kiểm duyệt ấy, cụ đáp: “*Biết để làm gì? Cứ noi theo gương cụ là được rồi!*”